

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2026/DS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ân

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 679/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 576/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Lầu B, Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (S): Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (S): Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1977. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Ông Lê Ngọc T ủy quyền lại cho ông **Trần Gia T**, sinh năm: 1971. Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận D cũ), Thành phố

Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 8750/2024/UQ-TGD ngày 28/11/2024). (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bí đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3B45 Ấp K, xã T (tổ C, ấp V, xã P, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 28/02/2023, ông Lê Văn H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa Platinum; Số thẻ: 436438 – 1969; Hạn mức là 40.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng là ngày 28/02/2023; Lãi suất áp dụng là 2.48%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Văn H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.130.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê Văn H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 705.250 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Văn H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 06/08/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 48.247.038 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Lê Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn H phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 21/01/2026 là 102.134.538 đồng. Cụ thể: Loại thẻ Visa Platinum, có số thẻ là: 436438 – 1969, nợ gốc là 48.247.038 đồng, lãi quá hạn là 53.887.500 đồng và lãi suất áp dụng là 3.72% (2.48% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lê Văn H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Lê Văn H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị giải quyết những vấn đề đối với ông Lê Văn H là:

Buộc ông Lê Văn H phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là 102.134.538 đồng (Một trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 48.247.038 đồng.
- Lãi quán hạn : 53.887.500 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có nộp đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – ông Lê Văn H đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt tại địa chỉ: 3B 45 Ấp V, xã T (tổ X, ấp D, xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn H vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, ông Lê Văn H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Lê Văn H vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định ông Lê Văn H có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 28/02/2023 với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, lãi suất 2.48%/tháng ông Hoanh có kích hoạt thẻ sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn – ông Lê Văn H vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, ông Hoanh phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Lê Văn H, địa chỉ cư trú tại xã T (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Gia T vắng mặt và có nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Bị đơn – ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Lê Văn H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là: 102.134.538 đồng (trong đó nợ gốc: 48.247.038 đồng, nợ lãi quá hạn: 53.887.500 đồng) và có

trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[5] Theo kết quả xác minh của Công an xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Lê Văn H, sinh năm: 1984 có hộ khẩu thường trú tại 3B45 ấp 73, xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đương sự Hoanh không cư trú tại địa chỉ trên. Số điện thoại của đương sự Hoanh: 0907.914.425. Hiện đương sự Hoanh đang cư trú tại xã B, tỉnh Đ”. Nội dung xác minh thông tin cư trú của bị đơn không thể hiện rõ địa chỉ số nhà nên gặp khó khăn trong việc tổng đạt văn bản của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định địa chỉ của bị đơn được xem là ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản, nếu có thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mới mà không thông báo cho người giao dịch hoặc ký hợp đồng biết về nơi cư trú, làm việc mới đó thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 28/02/2023, số thẻ: 436438 - 1969 (loại thẻ Visa Platinum), hạn mức: 40.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 2.48%/tháng, bị đơn đã thực hiện kích hoạt thẻ, giao dịch với số tiền tổng cộng là 41.130.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 705.250 đồng thì ngưng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại các điều khoản ghi trong hợp đồng nên ngày 06/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 21/01/2026 thì bị đơn còn nợ 102.134.538 đồng (trong đó nợ gốc: 48.247.038 đồng, nợ lãi quá hạn: 53.887.500 đồng). Do đó, có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, không cung cấp hay thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao; Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là 102.134.538 đồng (Một trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc: 48.247.038 đồng, nợ lãi quá hạn: 53.887.500 đồng), ngoài ra bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.
- Buộc ông Lê Văn H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 102.134.538 đồng (Một trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc: 48.247.038 đồng, nợ lãi quá hạn: 53.887.500 đồng).
- Buộc ông Lê Văn H còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.
- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.
- Về án phí: ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.106.727 đồng (Năm triệu, một trăm linh sáu nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 1.893.242 đồng (Một triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0051688 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

Ôn Kim Chi